

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 58/2020/DS-ST*

*Ngày: 15-9-2020*

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Phương.

2. Ông Nguyễn Công Lập.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, ấp Tân Tr, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ X, ấp Y, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 15-7-2020 – vắng mặt.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồ Mộng T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Tân Tr, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Thanh Th, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Tân Tr, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện ngày 15-7-2020, người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa xét xử như sau:**

Ngày 17-8-2019 âm lịch chị có cho vợ chồng chị Nguyễn Hồ Mộng T1, anh Đỗ Thanh Th vay số tiền 125.000.000 đồng, khi vay chị Nguyễn Hồ Mộng T1 có

viết giấy mượn tiền, ký tên nhận nợ, thời hạn trả là cuối năm 2019. Mục đích vay là để làm vốn buôn bán, trang trải sinh hoạt gia đình, cho các con ăn học. Khi vay, hai bên không có thỏa thuận thế chấp tài sản. Đến hạn trả nợ nhưng chị Nguyễn Hồ Mộng T1, anh Đỗ Thanh Th không trả tiền cho chị dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Nay, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thủy T yêu cầu chị Nguyễn Hồ Mộng T1, anh Đỗ Thanh Th có nghĩa vụ trả số tiền gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-01-2020AL (ngày 05-02-2020) đến ngày xét xử (15-9-2020) là 07 tháng 10 ngày  $\times 0,83\% \times 125.000.000$  đồng = 7.608.333 đồng. Tổng cộng: 132.608.333 (Một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu gì khác.

**\* Ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết như sau:**

+ *Chị Nguyễn Hồ Mộng T1:*

Chị và chị Nguyễn Thị Thủy T có mối quan hệ bạn bè, không có quan hệ họ hàng gì. Anh Đỗ Thanh Th là chồng của chị.

Cách nay khoảng 04 – 05 năm, chị có vay tiền của chị Nguyễn Thị Thủy T nhưng không có lập giấy tờ. Đến ngày 17-8-2019 âm lịch chị và chị Nguyễn Thị Thủy T thống nhất chốt nợ cả gốc và lãi là chị nợ chị Nguyễn Thị Thủy T số tiền 125.000.000 đồng, thời hạn trả là cuối năm 2019 âm lịch với điều kiện có bao nhiêu trả bao nhiêu, không phải trả một lần. Từ khi lập biên nhận mượn tiền ngày 17-8-2019 âm lịch cho đến nay, chị chưa trả cho chị Thủy T khoản tiền nào. Mục đích chị vay tiền của chị T1 là để đóng tiền học cho con, mua đồ ăn cho gia đình, mua nguyên liệu để nấu đồ ăn bán, trang trải sinh hoạt cho cả gia đình chị (gồm chị, anh Đỗ Thanh Th và 02 con chung của chị và anh Th). Khi chị vay tiền của chị Thủy T thì anh Đỗ Thanh Th đang thất nghiệp không có việc làm, hiện nay anh Th đi làm thuê từ sáng đến tối mới về nhà. Việc chị vay tiền của chị Thủy T nhưng anh Th không biết vì mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là do chị quản lý.

Nay chị đồng ý trả cho chị Thủy T số tiền gốc 125.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 125.000.000 đồng và không trả tiền lãi. Việc chị vay tiền của chị Thủy T không liên quan gì đến anh Th nên đề nghị không yêu cầu anh Thảo có nghĩa vụ trả tiền cho chị Thủy T.

+ *Anh Đỗ Thanh Th:*

Anh Đỗ Thanh Th có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt trong đó có nội dung “...vợ tôi và chị Tiên có vay mượn tiền với nhau tôi không hay biết về chuyện vay mượn tiền gì hết...” nên không cung cấp thêm chứng cứ, lời trình bày.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 trả số nợ gốc 125.000.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05-02-2020 đến ngày 15-9-2020. Chị Nguyễn Hồ Mộng T1 đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T số tiền gốc 125.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 125.000.000 đồng và không trả tiền lãi, đề nghị không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ trả tiền cho chị Thủy T. Anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt, có lời trình bày không liên quan số nợ của chị Mộng T1. Xét lời trình bày của chị Nguyễn Hồ Mộng T1, anh Đỗ Thanh Th là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T đối với anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T số tiền vay 125.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thủy T.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:***

##### **[1] Về tố tụng:**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà Đỗ Thị M), anh Đỗ Thanh Th là bị đơn trong vụ án và có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Thanh Th, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà Đỗ Thị M).

##### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thủy T, người đại diện hợp pháp của chị T (bà Đỗ Thị M) yêu cầu anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 trả số tiền gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-01-2020AL (ngày 05-02-2020) đến ngày xét xử (15-9-2020) là 07 tháng 10 ngày x 0,83% x 125.000.000 đồng = 7.608.333 đồng. Tổng cộng: 132.608.333 (Một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Căn cứ chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện là Biên nhận mượn tiền ngày 17-8-2019AL số tiền 125.000.000 đồng (Bút lục 26). Chị Nguyễn Hồ Mộng T1 trình bày trong Biên nhận mượn tiền ghi số tiền nợ 125.000.000 đồng bao gồm có tiền lãi nhưng chị T chưa có chứng cứ chứng minh và chị không xác định được bao nhiêu tiền lãi, bao nhiêu tiền gốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các tài liệu do chị Nguyễn Thị Thủy T cung cấp là chứng cứ hợp pháp dùng giải quyết vụ án.

[2.2] Đối với ý kiến chị Nguyễn Hồ Mộng T1 đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T số tiền gốc 125.000.000 đồng, không trả tiền lãi, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, đề nghị không yêu cầu anh Thảo có nghĩa vụ trả tiền cho chị Thủy Tiên; anh Đỗ Thanh Th trình bày không liên quan số nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, chị T anh Th là vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án, các chị Nguyễn Thị Thủy T và Nguyễn Hồ Mộng T1 đều thống nhất việc thực hiện giao dịch vay số tiền 125.000.000đ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình anh Th, chị T như đóng tiền học cho con, mua đồ ăn, mua nguyên liệu nấu để bán quán ăn, trang trải sinh hoạt trong gia đình.... Do khi nợ đến hạn, vợ chồng chị T, anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên chị Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Hồ Mộng T1, anh Đỗ Thanh Th có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T số tiền vay 125.000.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng và trả lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở. Bên cạnh đó, việc chị Nguyễn Hồ Mộng T1 đề nghị xin trả dần, xin bỏ lãi nhưng chị Nguyễn Thị Thủy T không đồng ý nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tiền lãi: Xét thấy, do hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay có thời hạn nên lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Việc chị Nguyễn Thị Thủy T có yêu cầu tính từ ngày 01-01-2020AL (ngày 05-02-2020) đến ngày xét xử (15-9-2020) là 07 tháng 10 ngày  $\times 0,83\% \times 125.000.000$  đồng = 7.608.333 đồng, tổng cộng: 132.608.333 (Một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng là phù hợp cần ghi nhận. Buộc anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Thủy T1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T tổng số tiền là: 132.608.333 (Một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền gốc là 125.000.000đ và tiền lãi là 7.608.333 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 phải chịu 6.630.400 (Sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Thủy T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Vì vậy, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ Điều 463, 464, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;**

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T đối với anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1.**

Buộc anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thủy T tổng số tiền là 132.608.333 (Một trăm ba mươi hai triệu, sáu

trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền gốc là 125.000.000đ và tiền lãi là 7.608.333 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

**2. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh Đỗ Thanh Th, chị Nguyễn Hồ Mộng T1 phải chịu 6.630.400 (Sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thủy T không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.384.000 (Ba triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000920 ngày 20-7-2020 cho chị Nguyễn Thị Thủy T.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Trọng Hiếu**